

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-PT
Ngày: 03-5-2019
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- *THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khưu Đễ Dành

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu

Bà Ngô Ngọc Phi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2019/QĐXXPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 62/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố L, An Giang.

Người đại diện: Ông Phan Hòa N, sinh 1987 (Có mặt) - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04 tháng 4 năm 2019)

Địa chỉ: phường M, thành phố L, An Giang.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Hoà Long III, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M, sinh 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Hoà Long III, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày: Bà cho bà Mai Thị H vay tiền nhiều lần, đến ngày 01-7-2015 thì bà H còn nợ bà số tiền 173.000.000 đồng, bà H có ký biên nhận và thỏa thuận trả lãi từ 6% rồi sau đó giảm còn 3%/tháng nhưng bà H cũng không trả vốn (gốc) và lãi; đến ngày 30-6-2016 âm lịch cộng vốn lãi bà H có ký biên nhận còn nợ bà số tiền 251.000.000 đồng. Do không có tiền trả bà H có nhờ bà chơi hội giùm để lấy tiền trả cho bà, nhưng chủ hội không đồng ý nên bà tự đứng tên chơi hội. Sau khi bà hốt (lĩnh) tiền hội đưa cho bà H và giữa bà với bà H trừ cần tiền còn thiếu thì bà H còn nợ lại bà số tiền khoảng hơn mười mấy triệu (bà không nhớ rõ) cộng với số tiền hội chết bà đóng cho chủ hội 29 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng với số tiền 290.000.000 đồng, cộng với tiền lãi hội và tiền bà H vay nên ngày 01-7-2017 bà với bà H kết sổ lại thì ra số tiền 343.000.000đ. Bà giảm bớt cho bà H số tiền 3.000.000 đồng còn lại số tiền 340.000.000 đồng, giữa bà với bà H mới làm hợp đồng vay tiền ngày 01-7-2017, bà H vay số tiền 340.000.000 đồng (ba trăm bốn chục triệu đồng) hứa mỗi tháng trả 15.000.000đồng nhưng không thực hiện.

Nay bà yêu cầu bà Mai Thị H phải trả lại số tiền 340.000.000 đồng (ba trăm bốn chục triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01-8-2017 cho đến ngày xét xử. Việc vay tiền giữa bà với bà H thỏa thuận với nhau không có ông Nguyễn Văn M; do đó, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải liên đới với bà H trả nợ.

Bị đơn bà Mai Thị H trình bày: Bà có vay tiền của bà T hai lần, ngày 6-10-2011 vay số tiền 90.000.000 đồng và ngày 19-12-2012 vay số tiền 20.000.000đ, tổng cộng 110.000.000đ, lãi suất 10%/tháng, khi vay hai bên không có làm biên nhận nhưng bà T có ghi sổ, mục đích vay tiền là để làm lò tàu hủ ky, khi vay bà cũng không có thể chấp gì cho bà T. Trong quá trình vay, bà có đóng lãi đầy đủ cho bà T từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 6 năm 2015, nhưng số tiền bao nhiêu bà không nhớ cụ thể vì có lần đưa tiền lãi cho bà T trực tiếp có lần chuyển khoản cho con bà T nhận, theo phiếu chuyển khoản bà còn giữ thì bà đóng lãi cho bà T được số tiền là 27.000.000 đồng và ngưng không đóng nữa, còn nợ vốn (gốc) 110.000.000 đồng. Sau đó, bà có nhờ bà T chơi hội giùm (dây hội 10.000.000đồng) nhưng việc chơi hội này do bà T tự đóng hội, tự hốt chứ bà không đóng tiền hội và bà T không có đưa tiền hốt hội cho bà; bà T cộng tiền hội thêm 55.000.000đồng tHnh số tiền 165.000.000đ và tiếp tục tính lãi ra số tiền 288.000.000đồng. Bà T tính lãi số tiền trên từ 15-01-2017 đến 15-6-2017 là 50.000.000đồng, tổng cộng là 338.000.000đ và tiếp tục tính lãi từ 01-7-2017 đến 15-7-2017 là 5.000.000đ, tổng cộng ra số tiền 343.000.000đồng. Bà T mới yêu cầu bà ký vào hợp đồng vay tiền ngày 01-7-2017, do bà T nói ký đi rồi sẽ bớt tiền cho bà nên bà cũng

đồng ý ký vào hợp đồng vay tiền trên, bà nhiều lần yêu cầu bà T giảm bớt lãi nhưng bà T không đồng ý.

Bà không đồng ý trả số tiền 340.000.000đ, tại các biên bản hòa giải ở Tòa án bà nhiều lần yêu cầu bà T bỏ lãi và nghĩ còn thiếu nợ bà T nên bà đồng ý trả cho bà T số tiền 300.000.000 đồng hoặc 200.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 110.000.000 đồng và yêu cầu bà T bỏ tiền lãi. Đối với số tiền lãi mà bà đã trả cho bà T, hiện còn giữ chứng từ là phiếu chuyển khoản ngân hàng với số tiền 27.000.000 đồng bà yêu cầu trừ lại; ngoài ra, theo bà số tiền lãi bà trả cho bà T rất nhiều, khoảng hơn 300.000.000 đồng, tuy nhiên do quá lâu bà không còn giữ chứng từ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày: Bà H là vợ của ông, trong suốt thời gian vợ ông vay tiền của bà T, làm ăn qua lại với nhau ông hoàn toàn không hay biết. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ ông trả số tiền vay, ông không có liên quan đến số nợ này, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T. Buộc bà Mai Thị H trả cho bà Bùi Thị T tổng số tiền gốc và lãi là 349.890.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

- Không chấp nhận đơn yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 15-11-2018 của bà Mai Thị H.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, bị đơn bà Mai Thị H làm đơn kháng cáo bản án số 192/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Nội dung kháng cáo: Bà Mai cho rằng chỉ vay bà T nợ gốc 110.000.000 đồng nên không đồng ý trả số tiền 349.890.000 đồng cho bà T, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ của bà từ Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh An Giang để làm chứng cứ trừ tiền lãi mà bà đã trả cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Mai Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và phát biểu tranh luận: Không đồng ý trả số tiền 349.890.000 đồng cho bà T, bà thừa nhận chỉ nợ bà T gốc 110.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà T, việc vay tiền và thiếu nợ bà T như nội dung bà trình bày trên. Ông Phan Hòa N là người đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và phát biểu tranh luận: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền đề ngày 01 tháng 7 năm 2017, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà T với bà H, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm; bà Bùi Thị T thống nhất với ý kiến ông Nhựt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Buộc bà H phải trả cho bà T số tiền gốc và lãi là 324.564.000 đồng, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.301.000 đồng. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm (05-11-2018) ngày 26-11-2018, bị đơn bà Mai Thị H làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tuy không thống nhất về số tiền vay, nhưng bị đơn bà Mai Thị H thừa nhận có vay tiền bà Bùi Thị T. Đồng thời, bà H thừa nhận có nhờ bà T tham gia chơi hụi giùm, nhưng việc chơi hụi do bà T tự đóng (góp) hụi, tự hốt (lĩnh) hụi và bà T trình bày do chủ hụi không đồng ý việc chơi hụi giùm nên bà tự đứng tên chơi hụi, sau khi hốt hụi bà mới đưa tiền cho bà H; điều này phù hợp với lời trình bày của chị Trần Kim Mai sinh 1965 là chủ dây hụi bà T tham gia (BL 121). Như vậy, việc bà T hốt (lĩnh) tiền hụi rồi mới đưa tiền cho bà H là quan hệ hợp đồng vay tài sản, nhưng cấp sơ thẩm xác định quan hệ hợp đồng góp hụi là chưa phù hợp.

Do đó, cần xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị H, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và có Thông báo cho bà cung cấp chứng cứ (BL99). Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18-9-2018 bà H yêu cầu ngừng phiên tòa để bà bổ sung chứng cứ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà tạm ngừng phiên tòa để bà bổ sung chứng cứ là tạo điều kiện cho bà, nhưng đến ngày 15-11-2018 cấp sơ thẩm mở lại phiên tòa bà cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác cho Tòa án mà lại tiếp tục nộp đơn yêu cầu thu thập chứng cứ (BL133). Như vậy, cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng nhưng bà không thực hiện; do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà về việc yêu cầu Tòa án xác minh thu thập

chứng cứ từ Ngân Hng NN&PTNT chi nhánh huyện Châu THnh, tỉnh An Giang là có căn cứ.

[5] Xét lời trình bày của bà Mai Thị H cho rằng bà chỉ vay tiền bà T với số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, trong quá trình vay bà có đóng lãi đầy đủ cho bà T từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 6 năm 2015 và bà chỉ nợ bà T gốc 110.000.000đồng. Ngoài ra, bà cho rằng bà T tự đóng hui, tự hốt chứ không có đưa tiền hốt hui cho bà; sau đó, bà T trừ cần việc nợ còn thiếu vào tiền hui, cộng lời lãi hui vào và nói bà còn thiếu 343.000.000 đồng, bà T mới yêu cầu bà ký vào hợp đồng vay tiền đề ngày 01/7/2017.

Tuy nhiên, phần trình bày này không được bà T thừa nhận, cũng như trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến ngày xét xử bà H không đưa ra được cứ chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tại Hợp đồng cho vay tiền ngày 01-7-2017 (Bút lục số 12) thể hiện nội dung bà Mai Thị H vay bà Bùi Thị T số tiền gốc 340.000.000 đồng.

Xét thấy, đến khi thống nhất số nợ xác lập hợp đồng vay tiền ngày 01-7-2017 thì giữa bà H với bà T không thỏa thuận về lãi suất. Bà T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, do đó cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,75% và tính lãi từ ngày 01-8-2017 đến ngày 15-11-2018 là 15 tháng 14 ngày số tiền là 36.890.000 đồng (gốc 340.000.000đồng x lãi 0,75%/ tháng x 15 tháng 14 ngày = 36.890.000 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và có lợi cho bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T đồng ý trừ tiền lãi 27.000.000 đồng mà bà H đã chuyển trả, cấp sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của bà T là phù hợp.

Như vậy, cấp sơ thẩm áp dụng các điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H phải trả số tiền 349.890.000 đồng (trong đó gốc 340.000.000đồng, lãi 9.890.000 đồng) là có căn cứ.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị H không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu THnh:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

- Buộc bà Mai Thị H trả cho bà Bùi Thị T tổng số tiền 349.890.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong khoản tiền nêu trên, Hng thng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Bà Mai Thị H chịu 17.494.500 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

- Bà Bùi Thị T không phải chịu án phí nên được nhận lại 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000924 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Châu THnh, tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị H chịu 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0008734 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Châu THnh, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi Hnh);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khuu Để Dành